

1116-SS-MJ Series — BÁNH XE KIỂU NHẬT CÀNG INOX



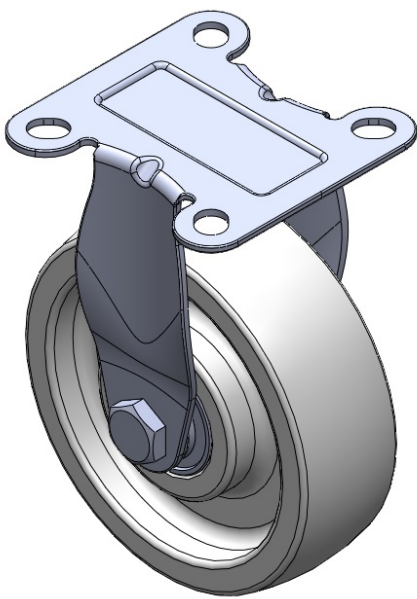
Bánh xe nylon (màu trắng) đường kính bánh xe × chiều rộng bánh xe 126 x 40mm

EAN  
TW-4111605001038

Bánh xe cố định, khung dập liền khối; rung bề mặt, thiết bị lắp tấm đế; lõi bánh xe và bề mặt bánh xe bằng nhựa nhiệt dẻo; màu trắng; ổ trục bánh xe—ổ trục bi chính xác.

Bề mặt bánh xe: nhựa nhiệt dẻo  
Lõi bánh xe: nhựa nhiệt dẻo

Mô tả sản phẩm chỉ mang tính chất tham khảo. Sản phẩm thực tế sẽ được ưu tiên.



Hình ảnh có thể khác với sản phẩm gốc

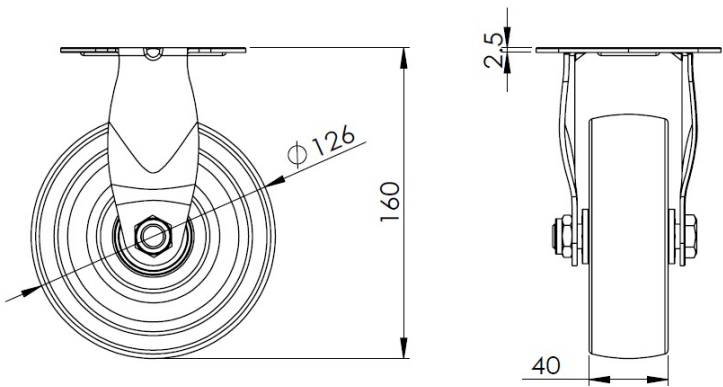
Quy cách chi tiết sản phẩm

|                                             |                               |
|---------------------------------------------|-------------------------------|
| <input checked="" type="radio"/> đơn vị mét | <input type="radio"/> đế quốc |
| Đường kính bánh xe                          | 126mm                         |
| Chiều rộng bánh xe                          | 40mm                          |
| vòng bi bánh xe                             | Bánh xe trang bị vòng bi bi   |
| Quy cách tấm lắp                            | 95 x 95mm                     |
| khoảng cách các lỗ trên tấm nền             | 70 x 70mm                     |
| Khoảng cách các lỗ lắp                      | 13.5 x 10.5mm                 |
| Tổng chiều cao                              | 160mm                         |
| Độ cứng                                     | 75±5° Shore D                 |
| Tải trọng (động)                            | 140kgs                        |
| Tải trọng (tĩnh)                            | 210kgs                        |
| Nhiệt độ                                    | -20°C to +80°C                |
| Càng bánh xe                                | Cố định                       |
| Thép không gỉ                               | Y                             |
| Dẫn điện                                    | N/A                           |
| Chống tĩnh điện                             | N/A                           |
| Trọng lượng bánh xe đẩy                     | 0.55kgs                       |
| Tiêu chuẩn kiểm nghiệm                      | ISO22883                      |

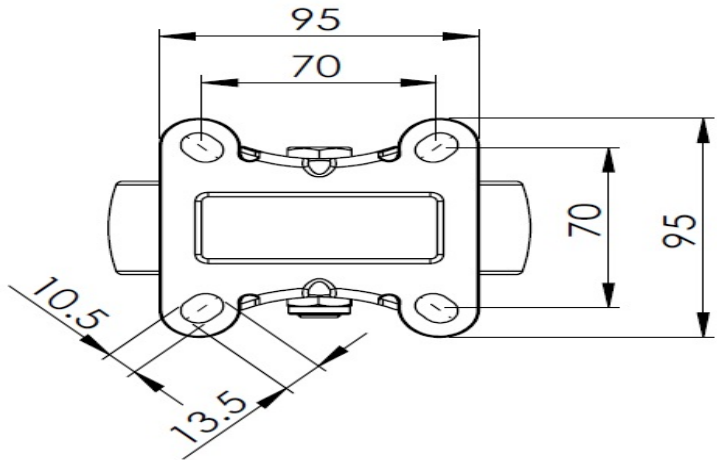
Tổng quan ưu điểm

|                      |           |
|----------------------|-----------|
| Độ di chuyển mượt mà | ● ● ● ● ● |
| Chế độ im lặng       | ● ● ○ ○ ○ |
| Bảo vệ mặt sàn       | ● ● ○ ○ ○ |

Bản vẽ 2D kích thước bánh xe đẩy



Bản vẽ 2D kích thước tấm lắp



\* Nếu có bất kỳ sai lệch nào giữa thông số hệ mét và thông số hệ inch, vui lòng tham khảo thông số hệ mét